

Bản án số: **83/2018/HNGĐ-ST**

Ngày: **4/7/2018**

“V/v: Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **TRẦN THỊ KIM LIÊN.**

- Các Hội thẩm nhân dân :
1. Ông **NGUYỄN ĐỨC ĐẸP**
2. Ông **NGUYỄN NGỌC NGÂN**

- Thư ký phiên tòa: Ông **NGUYỄN VIỆT LÃM** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp Nha Trang tham gia phiên Tòa: Ông **LÊ HOÀNG ANH**- Kiểm sát viên.

Vào ngày 4/7/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp Nha Trang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 305/2018/TLST-HNGĐ ngày 01/03/2018 về việc **“Ly hôn”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2018/QĐXX-ST-HNGĐ ngày 20/6/2018 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Trần Thị Bích Q** Sinh năm: 1970. Có mặt

*** Bị đơn :** Ông **Phùng Duy N** Sinh năm: 1968. Có đơn yêu cầu vắng mặt.

Đồng địa chỉ HKTT: 67/1 đường T, phường P, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Đồng địa chỉ tạm trú: 229 đường X, phường S, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Trong đơn khởi kiện và lời khai tại phiên toà sơ thẩm nguyên đơn bà Trần Thị Bích Q trình bày:** Bà Trần Thị Bích Q và bị đơn ông Phùng Duy N tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, Tp.Nha Trang. Trong thời gian sống chung, hai bên mâu thuẫn vì tính cách hai bên không hợp, cãi vã nhau thường xuyên, ông N ham mê cá độ đá banh, thường xuyên gây ra nợ nần, mẹ con bà phải nhiều lần trả nợ cho ông N vì sợ xã hội đen đến đập phá, không cho làm ăn. Hiện nay, gia đình bà đã ly thân. Nay bà không còn tình cảm với ông Phùng Duy N nữa nên yêu cầu được ly hôn với ông Phùng Duy N.Về con chung: Có hai con chung là Phùng Duy Hưng T, sinh ngày 05/11/1996 (đã trưởng thành); Phùng Duy Nhật Q, sinh ngày 26/12/2000, bà xin nhận nuôi cháu Q, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Phùng Duy N trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải:** Ông và bà Trần Thị Bích Q tự nguyện kết hôn vào năm 1995, trong thời gian sống chung vợ chồng ông có xảy ra mâu thuẫn do ông gây ra nợ nần nhưng ông vẫn còn thương yêu vợ con nên không đồng ý ly hôn. Về con chung: có con chung là Phùng Duy Hưng T, sinh ngày 05/11/1996 (đã trưởng thành); Phùng Duy Nhật Q, sinh ngày 26/12/2000; nếu Tòa án xử cho ly hôn, bà Q xin nhận nuôi cháu Q, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung, ông đồng ý; Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*** Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn ông Phùng Duy N có đơn yêu cầu vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

*** Về nội dung:**

[1] **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Trần Thị Bích Q và ông Phùng Duy N tự nguyện kết hôn vào năm 1995. Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03, Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường P, Nha Trang cấp ngày 05/01/1995. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống gia đình ông Phùng Duy N, bà Trần Thị Bích Q có hạnh phúc thời gian đầu. Hiện nay, nay gia đình họ mâu thuẫn. Ông N cũng thừa nhận mình có lỗi gây ra nợ nần nhưng không chịu sửa lỗi mà để cho bà Q và các con tiếp tục trả nợ thay cho mình trong lúc Tòa án đang giải quyết ly hôn và ông không có biện pháp gì để khắc phục lỗi lầm của mình. Hiện nay, bà Trần Thị Bích Q khai không còn tình cảm với ông Phùng Duy N và họ đã ly thân. Như vậy, mục đích của hôn nhân không đạt được thì đời sống chung không thể kéo dài. Nay bà Trần Thị Bích Q yêu cầu được ly hôn ông Phùng Duy N là có cơ sở.

[2] **Về con chung:** Bà Trần Thị Bích Q và ông Phùng Duy N khai có con chung là Phùng Duy Hưng T, sinh ngày 05/11/1996 (đã trưởng thành); Phùng Duy Nhật Q sinh ngày 26/12/2000, bà đề nghị nuôi con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con, ông N đồng ý, Tòa án cũng đã hỏi ý kiến của cháu Q. Nguyên vọng cháu muốn ở với mẹ, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] **Về tài sản chung, nợ chung:** Bà Trần Thị Bích Q và ông Phùng Duy N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa không xét.

[4] **Về án phí:** Bà Trần Thị Bích Q phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] **Về quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà **Trần Thị Bích Q** được ly hôn ông **Phùng Duy N.**

2. Về con chung: Giao cho bà Trần Thị Bích Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là Phùng Duy Nhật Q, sinh ngày 26/12/2000.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Phùng Duy N.

Ông Phùng Duy N được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Trần Thị Bích Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí bà Trần Thị Bích Q đã nộp theo biên lai số AA/2016/0008542 ngày 7/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang. Bà Trần Thị Bích Q đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Nha Trang;
- UBND Phường P,
Nha Trang (số 03 ngày 05/01/1995);
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN THỊ KIM LIÊN